

Ngày 25 tháng 8.. năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã
Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3567.200

Fax: 0274.3567.201

Người thực hiện CBTT: Ông **Nguyễn Bảo Long** Chức vụ: **Người đại diện theo pháp luật**

Loại thông tin công bố: 24 giờ

theo yêu cầu

định kỳ

Nội dung thông tin naytin công bố:

**Báo cáo tài chính bán niên Công ty mẹ ACC và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên
năm 2021 đã soát xét.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
25/08/2021 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CTY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



NGUYỄN BẢO LONG



Số 05/CV/QLTC_2021

"V/v Giải trình biến động lợi nhuận
06 tháng đầu năm 2021"



Bình dương, ngày 20 tháng 08 năm 2021

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Tên cơ sở kinh doanh : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC.**

Địa chỉ : Lô D_3_CN, đường N4, KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 3700926112, đăng ký thay đổi lần 8, ngày 09/04/2021

Ngành nghề kinh doanh chính :

Xây dựng công trình công ích chi tiết ; Thi công, xây dựng các công trình xây dựng công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; thi công xây dựng các công trình thủy lợi.

Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao chi tiết ; Sản xuất công bê tông cốt thép các loại ; Sản xuất bê tông nhựa nóng các loại ; Sản xuất bê tông xi măng các loại ; Sản xuất cấu kiện đúc sẵn ; Sản xuất gạch không nung.

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết ; Mua, bán công bê tông cốt thép các loại; Bê tông xi măng, nhựa nóng các loại; Cấu kiện đúc sẵn; Các loại vật liệu xây dựng; Các cấu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí.

Xây dựng nhà các loại chi tiết ; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ chi tiết ; Thi công, xây dựng các công trình giao thông.

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí chi tiết ; Thi công đặt hệ thống cấp, thoát nước, điều hòa không khí; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết ; Cho thuê xe, máy, thiết bị; Lắp đặt hệ thống điện.

Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại chi tiết ; Gia công cơ khí (trừ xi mạ, tráng phủ kim loại).

Sản xuất các cấu kiện kim loại chi tiết ; Sản xuất các cấu kiện kim loại.

Chuẩn bị mặt bằng chi tiết ; Sẵn lắp mặt bằng.

Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết; Xây dựng nền móng ; Đóng cọc; Ép cọc.

Thi công cấu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu lắp.



Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá chi tiết; Cắt và hoàn thiện đá xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân công vào đầu chi tiết; Mua, bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế).

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết; Mua, bán mặt hàng trang trí nội thất.

Mã số thuế : **3700926112**

Căn cứ thông tư số : 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021, Công ty cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Bình Dương ACC xin giải trình như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2021 tăng so với 06 tháng đầu năm 2020: Doanh thu từ hoạt động tài chính 06 tháng đầu năm 2021 tăng so với 06 tháng đầu năm 2020.

2. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế giữa báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 kiểm toán lập so với báo cáo tài chính quý 02 năm 2021 của doanh nghiệp lập do có sự điều chỉnh như sau :

- Giảm doanh thu hoạt động tài chính do 06 tháng đầu năm Công Ty CP Khoáng Sản Miền Đông AHP chưa hạch toán khoản cổ tức chi trả: 2.239.800.000 đ

- Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ Phần Đá Ốp Lát An Bình : 785.805.417đ

- Thuế TNDN tăng : 157.161.094 đ

Vì vậy, lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 giảm so với báo cáo tài chính quý 02 năm 2021.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2021 so với 06 tháng đầu năm 2020 và sự chênh lệch lợi nhuận giữa báo cáo tài chính Kiểm toán lập với báo cáo tài chính Doanh nghiệp đã lập.

Trân trọng !

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

BÌNH DƯƠNG ACC

PHÒNG GIÁM ĐỐC

CÓ PHẦN

ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

BÌNH DƯƠNG

ACC

Nguyễn Đức Thuận

Nơi nhận :

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
- Lưu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH
DƯƠNG ACC**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 09/04/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 30.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 08 là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
- Sản xuất công bê tông cốt thép các loại, sản xuất bê tông nhựa nóng các loại, sản xuất bê tông xi măng các loại, sản xuất cấu kiện đúc sẵn, sản xuất gạch không nung, sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo;
- Mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại, cấu kiện đúc sẵn, các loại vật liệu xây dựng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí;
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe máy, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nền móng, đóng cọc, ép cọc, thi công cấu kiện đúc sẵn, dịch vụ cầu lắp;
- Cát và hoàn thiện đá xây dựng;
- Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế);
- Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Mua bán mặt hàng trang trí nội thất;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Chế biến các loại khoáng sản phi kim loại như: đất, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Trồng cây đô thị;
- Phá dỡ.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bảo Long	Chủ tịch HĐQT	Bầu ngày 29/03/2021
Ông Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 02/04/2019
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 28/06/2020
Ông Ngô Anh Quân	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 28/06/2020
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 28/03/2021

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Anh	Trưởng ban kiểm soát	Bầu ngày 12/09/2019
Ông Nguyễn Thanh Hữu	Thành viên Ban kiểm soát	Bầu ngày 28/06/2020 Miễn nhiệm ngày 29/03/2021
Bà Lê Thị Tươi	Thành viên Ban kiểm soát	Bầu ngày 30/08/2019
Bà Đào Huỳnh Kim	Thành viên Ban kiểm soát	Bầu ngày 29/03/2021

Ban Giám đốc

Ông Ngô Anh Quân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Trương Văn Nghĩa	Quyền Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/12/2020 Miễn nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Võ Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/01/2021 Miễn nhiệm ngày 01/04/2021
Ông Nguyễn Bảo Long	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 01/02/2021 Miễn nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/01/2021
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2021
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
Ông Phạm Huy Hậu	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 14/05/2019 Miễn nhiệm ngày 01/01/2021
Ông Lê Hùng Lam	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/12/2020
Ông Phạm Hữu Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/03/2020

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2021 đến ngày 29/03/2021 là ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch HĐQT và từ ngày 30/03/2021 đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Bảo Long - Chủ tịch HĐQT.

Ông Nguyễn Đức Thuận được ông Nguyễn Bảo Long ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021 theo Giấy ủy quyền số 04/2021/UQ ngày 09/04/2021.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Thuận

Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 045/2021/BCSX-PB.00313



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 08 năm 2021, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lê Viết Cường

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2021

Ha Noi City Office * Tel: +84 24 320 02016 * Fax: + 84 24 379 50832 * Email: pkf.afcpb@pkf.afcvietnam.vn
707, Sunrise Building * D11, Tran Thai Tong Street * Dich Vong Hau Ward * Cau Giay District * Hanoi * Website: pkf.afcvietnam.vn

PKF – AFC Vietnam Auditing Co., Ltd. is a member firm of the PKF International Limited family of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions of any individual member firm or firms.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		692.178.183.825	671.148.007.542
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	20.051.982.827	135.477.934.652
1. Tiền	111		20.051.982.827	135.477.934.652
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.373.050.551	189.398.723.318
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	117.183.852.735	142.437.084.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.730.883.231	45.003.903.501
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.057.739.425	2.557.160.299
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(599.424.840)	(599.424.840)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	547.051.436.053	345.454.991.018
1. Hàng tồn kho	141		547.051.436.053	345.454.991.018
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		2.701.714.394	816.358.554
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.018.651.519	816.358.554
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.683.062.875	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		223.433.853.038	125.509.887.443
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	100.000.000.000	-
II/ Tài sản cố định	220		18.975.987.806	19.804.453.431
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	10.502.864.257	11.153.172.152
- Nguyên giá	222		109.703.069.295	108.648.469.295
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.200.205.038)	(97.495.297.143)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	8.473.123.549	8.651.281.279
- Nguyên giá	228		13.478.567.330	13.478.567.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.005.443.781)	(4.827.286.051)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	85.738.604.323	86.403.186.849
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.666.500.000	60.800.851.200
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		73.681.851.200	26.547.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.789.746.877)	(1.125.164.351)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		180.000.000	180.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		18.719.260.909	19.302.247.163
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	18.719.260.909	19.302.247.163
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		915.612.036.863	796.657.894.985

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2021	01/01/2021
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		461.635.866.680	349.990.246.031
I/ Nợ ngắn hạn	310		452.152.705.998	339.265.674.925
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	108.259.147.108	70.405.952.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	626.004.470	170.066.218
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	6.370.057.265	4.761.510.937
4. Phải trả người lao động	314		3.376.922.344	7.313.640.622
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	4.389.206.513	8.865.225.961
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	16.663.917.112	1.634.107.342
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	309.006.071.937	244.809.189.776
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.13	1.032.695.961	1.042.760.347
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.428.683.288	263.221.507
II/ Nợ dài hạn	330		9.483.160.682	10.724.571.106
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.13	9.483.160.682	10.724.571.106
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		453.976.170.183	446.667.648.954
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	453.976.170.183	446.667.648.954
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.344.945.181	1.344.945.181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.055.511.950	9.055.511.950
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.123.821.471	56.123.821.471
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.451.891.581	80.143.370.352
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		62.097.805.058	36.635.294.725
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.354.086.523	43.508.075.627
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		915.612.036.863	796.657.894.985



Nguyễn Đức Thuận
 Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2021

Phạm Huy Hậu
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	186.973.582.780	180.634.366.497
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	64.077.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		186.973.582.780	180.570.288.697
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	149.868.007.545	138.328.224.153
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.105.575.235	42.242.064.544
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.929.885.930	2.784.016.477
7. Chi phí tài chính	22	6.4	9.667.002.848	5.138.702.865
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.002.420.322	5.138.702.865
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	6.813.809.256	6.993.093.155
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.037.322.457	8.886.526.438
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.517.326.604	24.007.758.563
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.178.988.861	384.825.574
12. Chi phí khác	32	6.8	3.707.312	2.313.799
13. Lợi nhuận khác	40		2.175.281.549	382.511.775
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.692.608.153	24.390.270.338
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	6.338.521.630	4.430.094.068
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.354.086.523	19.960.176.270

(*) Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Đức Thuận
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2021

Phạm Huy Hậu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chỉ tiêu	MS	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.692.608.153	24.390.270.338
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.883.065.625	1.973.070.197
- Các khoản dự phòng	03	(586.892.284)	(311.758.214)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.929.885.930)	(2.784.016.477)
- Chi phí lãi vay	06	9.002.420.322	5.138.702.865
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.061.315.886	28.406.268.709
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(36.649.390.108)	(79.230.834.101)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(201.596.445.035)	(58.291.118.152)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	28.324.447.886	(14.057.905.961)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	380.693.289	(19.787.338.443)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.994.347.819)	(5.138.702.865)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(3.832.975.615)	(3.871.390.737)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.942.000)	(2.993.882.919)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(198.316.643.516)	(154.964.904.469)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.054.600.000)	(2.473.404.428)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.921.885.930	544.216.477
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.867.285.930	(1.929.187.951)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	201.476.350.319	216.323.860.877
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(137.279.468.158)	(115.685.100.424)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(173.476.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	64.023.405.761	100.638.760.453
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(115.425.951.825)	(56.255.331.967)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	135.477.934.652	73.812.142.265
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>20.051.982.827</u>	<u>17.556.810.298</u>



Nguyễn Đức Thuận
 Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2021

Phạm Huy Hậu
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 09/04/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 30.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 08 là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

1.6 Cấu trúc công ty

Tại ngày 30/06/2021, cấu trúc công ty gồm:

Công ty con Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	3701799724	22.500.000.000	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	3700927878	60.000.000.000	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Khai thác đá vật liệu xây dựng
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	3700696042	200.000.000.000	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, đường TC 3, tổ 6, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương	Bệnh viện, trạm xá
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	3700509408	7.800.000.000	Số 225, đường 30 Tháng 4, P. Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Công trình kỹ thuật dân dụng

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Quyền thuê đất

Quyền thuê đất là tiền Công ty trả một lần cho nhiều năm để ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quyền thuê đất này được khấu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất còn lại (42 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

Chi phí thiết kế sản phẩm

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới để sản xuất sản phẩm công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao từ 02 – 08 năm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí tiền thuê đất

Chi phí tiền thuê đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác bao gồm: Chi phí thiết kế, thẩm định khuôn công hợp...được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng về bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05% trên tổng giá trị công trình thi công có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được khi nhận vào thu nhập khác.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia, tiền nhượng quyền mua cổ phiếu và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng hóa bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay;
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	170.627.839	190.955.186
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.881.354.988	135.286.979.466
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	13.855.930.250	112.219.609.982
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai	2.488.053.074	20.740.271.200
Các Ngân hàng khác	3.537.371.664	2.327.098.284
Cộng	20.051.982.827	135.477.934.652

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	28.620.302.628	-	39.980.684.609	-
Công ty CP Kinh Doanh và Đầu tư Bình Dương	28.620.302.628	-	39.980.684.609	-
Các bên khác	88.563.550.107	(599.424.840)	102.456.399.749	(599.424.840)
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	13.194.140.934	-	17.114.829.524	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	49.367.279.311	-	66.074.059.995	-
Công ty CP Phát triển HTKT Becamex Bình Phước	12.550.686.407	-	12.977.762.560	-
Các đối tượng khác	13.451.443.455	(599.424.840)	6.289.747.670	(599.424.840)
Cộng	117.183.852.735	(599.424.840)	142.437.084.358	(599.424.840)

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	3.373.538.103	-	-	-
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	3.373.538.103	-	-	-
Các bên khác	1.357.345.128	-	45.003.903.501	-
Công ty CP KD BĐS và XD Nguyên Việt	-	-	38.000.000.000	-
Công ty TNHH Nhôm Kính Đông Phương	817.502.055	-	-	-
Các đối tượng khác	539.843.073	-	7.003.903.501	-
Cộng	4.730.883.231	-	45.003.903.501	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.4 Phải thu khác

5.4.1 Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	1.057.739.425	-	2.557.160.299	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	1.992.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	11.744.000	-	11.744.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	1.044.171.861	-	280.000.000	-
Phải thu khác	1.823.564	-	273.416.299	-
Cộng	1.057.739.425	-	2.557.160.299	-

5.4.2 Phải thu khác dài hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	100.000.000.000	-	-	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (*)	100.000.000.000	-	-	-
Cộng	100.000.000.000	-	-	-

(*) Là khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 39/HĐKT/2021 ngày 15/04/2021 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở thương mại tại Khu dân cư Ấp 5C, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tổng giá trị hợp đồng: 815.183.600.000 đồng (Tám trăm mười lăm tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

5.5 Nợ xấu

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	100.283.494	(100.283.494)	100.283.494	(100.283.494)
Công ty TNHH TM XD Cầu đường Trương Hoàng Long	189.298.335	(189.298.335)	189.298.335	(189.298.335)
Công ty TNHH TM - DV - XD Lộc Hoàng Gia	95.089.291	(95.089.291)	95.089.291	(95.089.291)
Công ty TNHH XD-TM-DV XNK Tân Hưng Phát	173.194.526	(173.194.526)	173.194.526	(173.194.526)
Các công ty khác	53.869.559	(41.559.194)	53.869.559	(41.559.194)
Cộng	611.735.205	(599.424.840)	611.735.205	(599.424.840)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Số dư đầu kỳ	599.424.840	597.114.474
Trích lập trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	599.424.840	597.114.474

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	583.899.200	-	583.899.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.908.034.850	-	7.945.532.303	-
Công cụ, dụng cụ	110.237.797	-	70.223.774	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	528.104.608.193	-	329.425.956.264	-
Thành phẩm	7.289.272.551	-	7.380.621.255	-
Hàng hoá	40.594.119	-	37.646.268	-
Hàng gửi đi bán	14.789.343	-	11.111.954	-
Cộng	547.051.436.053	-	345.454.991.018	-

Chi tiết Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang BĐS - Dự án nhà ở TM Định Hòa (*)	330.325.030.000	188.789.375.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thi công	197.779.578.193	140.636.581.264
Cộng	528.104.608.193	329.425.956.264

(*) Là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng tại dự án xây dựng nhà ở thương mại tại phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với mục đích bán.

5.7 Chi phí trả trước

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	590.707.741	701.899.239
Các khoản khác	427.943.778	114.459.315
Cộng	1.018.651.519	816.358.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	134.680.003	370.176.704
Chi phí thuê đất	18.541.136.460	18.932.070.459
Chi phí khác	43.444.446	-
Cộng	<u>18.719.260.909</u>	<u>19.302.247.163</u>

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền thuê đất VND	Chương trình phần mềm VND	Chi phí thiết kế sản phẩm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2021	11.769.135.713	654.359.800	1.055.071.817	13.478.567.330
Số dư tại 30/06/2021	<u>11.769.135.713</u>	<u>654.359.800</u>	<u>1.055.071.817</u>	<u>13.478.567.330</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư tại 01/01/2021	3.252.524.745	621.461.054	953.300.252	4.827.286.051
Khấu hao trong kỳ	123.429.144	5.833.332	48.895.254	178.157.730
Số dư tại 30/06/2021	<u>3.375.953.889</u>	<u>627.294.386</u>	<u>1.002.195.506</u>	<u>5.005.443.781</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2021	8.516.610.968	32.898.746	101.771.565	8.651.281.279
Số dư tại 30/06/2021	<u>8.393.181.824</u>	<u>27.065.414</u>	<u>52.876.311</u>	<u>8.473.123.549</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2021 là 8.393.181.824 VND, tại 01/01/2021 là 8.516.610.968 VND;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2021 là 1.324.431.617 VND, tại 01/01/2021 là 1.221.291.617 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.9	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	11.629.778.901	63.236.854.956	32.611.120.099	826.949.158	343.766.181	108.648.469.295
Mua trong kỳ	-	1.054.600.000	-	-	-	1.054.600.000
Số dư tại 30/06/2021	11.629.778.901	64.291.454.956	32.611.120.099	826.949.158	343.766.181	109.703.069.295
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2021	11.272.502.287	59.955.194.156	25.119.495.529	820.842.907	327.262.264	97.495.297.143
Khấu hao trong kỳ	199.528.285	521.450.216	969.412.919	6.106.251	8.410.224	1.704.907.895
Số dư tại 30/06/2021	11.472.030.572	60.476.644.372	26.088.908.448	826.949.158	335.672.488	99.200.205.038
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2021	357.276.614	3.281.660.800	7.491.624.570	6.106.251	16.503.917	11.153.172.152
Số dư tại 30/06/2021	157.748.329	3.814.810.584	6.522.211.651	-	8.093.693	10.502.864.257

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2021 là 112.551.632 VND, tại 01/01/2021 là 182.208.274 VND;
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2021 là 85.019.395.825 VND, tại 01/01/2021 là 80.929.879.989 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

5.10.1 Đầu tư góp vốn

	30/06/2021			01/01/2021	
	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	Giá hợp lý (i) VND
Đầu tư vào công ty con	13.666.500.000	(142.246.877)		60.800.851.200	(928.052.348)
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	-	-	(i)	47.134.351.200	-
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	13.666.500.000	(142.246.877)	(i)	13.666.500.000	(928.052.348)
Đầu tư vào đơn vị khác	73.681.851.200	(1.647.500.000)		26.547.500.000	(197.112.003)
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	47.134.351.200	-	(i)	-	-
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	24.900.000.000	-	(i)	24.900.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	(1.647.500.000)	(i)	1.647.500.000	(197.112.003)
Cộng	87.348.351.200	(1.789.746.877)		87.348.351.200	(1.125.164.351)

Quy mô vốn của công ty con

Xem thuyết minh số 1.6

Giá trị hợp lý

(i) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con

Xem thuyết minh số 7.2.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con:

	30/06/2021			01/01/2021		
	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
Đầu tư vào công ty con						
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	1.350.000	60,00%	60,00%	1.350.000	60,00%	60,00%

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	30/06/2021			01/01/2021		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP (*)	4.479.600	14,93%	14,93%	4.479.600	74,66%	74,66%
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	2.490.000	12,45%	12,45%	2.490.000	12,45%	12,45%
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	85.670	10,98%	10,98%	85.670	10,98%	10,98%

(*) Ngày 18/02/2021, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã hoàn thành việc chuyển nhượng 17.918.400 quyền mua cổ phần BMJ và ngày 25/02/2021 Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP đã hoàn thành đợt chào bán cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, nên tỷ lệ sở hữu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tại công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP sau đợt chào bán là 14,93%/Vốn điều lệ. Vì vậy, Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP không còn là công ty con của ACC từ ngày 25/02/2021.

5.10.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	-	-	-	-
Dài hạn	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Trái phiếu (*)	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Cộng	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000

(*) Là khoản đầu tư trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành;

Thời điểm phát hành: 27/09/2019; kỳ hạn gốc: 120 tháng;

Số lượng trái phiếu: 18 trái phiếu (mệnh giá: 10.000.000 đồng);

Lãi suất: Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan	2.752.734.278	2.752.734.278	4.844.698.732	4.844.698.732
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	-	-	2.521.362.884	2.521.362.884
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	2.612.734.278	2.612.734.278	2.303.335.848	2.303.335.848
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	140.000.000	140.000.000	20.000.000	20.000.000
Các bên khác	105.506.412.830	105.506.412.830	65.561.253.483	65.561.253.483
Công ty TNHH TM DV Vận tải Mai Thành	6.191.055.175	6.191.055.175	3.459.168.942	3.459.168.942
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	14.271.070.700	14.271.070.700	-	-
Công Ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim)	11.858.708.630	11.858.708.630	12.296.957.400	12.296.957.400
Công ty TNHH MTV Hà Nhật Quang	3.142.295.895	3.142.295.895	5.120.827.320	5.120.827.320
Công Ty TNHH ĐT - XD - TM Minh Đức Trung	4.784.416.658	4.784.416.658	3.365.166.635	3.365.166.635
Phải trả cho các đối tượng khác	65.258.865.772	65.258.865.772	41.319.133.186	41.319.133.186
Cộng	108.259.147.108	108.259.147.108	70.405.952.215	70.405.952.215

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các bên khác	626.004.470	626.004.470	170.066.218	170.066.218
Công Ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hồ Long	328.358.800	328.358.800	-	-
Các đối tượng khác	297.645.670	297.645.670	170.066.218	170.066.218
Cộng	626.004.470	626.004.470	170.066.218	170.066.218

5.13 Dự phòng phải trả**5.13.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.032.695.961	1.042.760.347
Cộng	1.032.695.961	1.042.760.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.13.2 Dự phòng phải trả dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	9.483.160.682	10.724.571.106
Cộng	9.483.160.682	10.724.571.106

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	16.663.917.112	16.663.917.112	1.634.107.342	1.634.107.342
Kinh phí công đoàn	93.876.472	93.876.472	67.082.476	67.082.476
Phải trả khác	16.570.040.640	16.570.040.640	1.567.024.866	1.567.024.866
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	348.444.895	348.444.895	325.578.290	325.578.290
Phải trả về cổ tức	15.019.813.000	15.019.813.000	193.289.400	193.289.400
Thù lao HĐQT	870.161.513	870.161.513	-	-
Các khoản khác	331.621.232	331.621.232	1.048.157.176	1.048.157.176
Cộng	16.663.917.112	16.663.917.112	1.634.107.342	1.634.107.342

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí dịch vụ	1.052.666.985	1.676.657.079
Chi phí thi công	1.511.842.540	6.455.592.359
Chi phí quà tặng tri ân khách hàng trích trước	400.000.002	300.000.000
Chi phí trích trước lãi vay	241.049.026	232.976.523
Chi phí trước trước tiền lương	1.183.647.960	-
Các khoản khác	-	200.000.000
Cộng	4.389.206.513	8.865.225.961

5.16 Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước

	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND
Thuế GTGT	-	1.112.136.743	267.966.260	844.170.483
Thuế TNDN	6.338.521.630	3.832.975.615	6.338.521.630	3.832.975.615
Thuế TNCN	31.535.635	691.319.409	638.490.205	84.364.839
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	6.370.057.265	5.639.431.767	7.247.978.095	4.761.510.937

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai (*)	88.317.611.911	88.317.611.911	51.519.058.390	31.059.757.858	67.858.311.379	67.858.311.379
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (**)	134.370.835.471	134.370.835.471	97.268.032.654	64.957.233.859	102.060.036.676	102.060.036.676
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Bình Dương (***)	86.317.624.555	86.317.624.555	52.689.259.275	41.262.476.441	74.890.841.721	74.890.841.721
Cộng	309.006.071.937	309.006.071.937	201.476.350.319	137.279.468.158	244.809.189.776	244.809.189.776

(*) Hợp đồng vay theo hạn mức số 300268746/2021-HĐCVHM/NHCT680-ACC ngày 21/05/2021;

- Hạn mức vay: 150.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: từ ngày 21/05/2021 đến hết ngày 15/05/2022;
- Mục đích sử dụng: các khoản nợ được bên vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: ngày 26 hàng tháng;
- Tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 01.0300268746/2021/HĐBĐ/NHCT680-ACC ngày 15/03/2021.

(**) Hợp đồng vay theo hạn mức số 01/2020/2451719/HĐTD ngày 22/07/2020:

- Hạn mức vay: 150.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: Từ ngày 22/07/2020 đến hết ngày 15/07/2021;
- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngân hàng không cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư tài chính;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: ngày 25 hàng tháng;



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2019/245719/HĐBĐ ngày 25/12/2019 giữa, số công chứng 014559, quyền số 014559, quyền số 12/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Bình Dương để đảm bảo nghĩa vụ cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ.
- (***) Hợp đồng vay theo hạn mức số 1800-LAV - 210044194 ngày 31/05/2021:
- Hạn mức vay: 90.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- Thời gian cấp hạn mức: từ ngày 31/05/2021 đến hết ngày 31/05/2022;
- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 075011, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03506 do Sở TN và MT tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/2012. Cập nhật biến động ngày 22/11/2013, 23/07/2020 tại KCN Mỹ Phước 1, phường Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5.18 Vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2020	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	41.639.681.855	208.346.158.457
Tăng vốn trong năm trước	200.000.000.000	(182.198.000)	-	-	-	199.817.802.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	43.508.075.627	43.508.075.627
Trích lập quỹ năm trước	-	-	-	-	(4.387.130)	(4.387.130)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2020	300.000.000.000	1.344.945.181	9.055.511.950	56.123.821.471	80.143.370.352	446.667.648.954
Số dư tại 01/01/2021	300.000.000.000	1.344.945.181	9.055.511.950	56.123.821.471	80.143.370.352	446.667.648.954
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	25.354.086.523	25.354.086.523
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Trích lập quỹ năm trước	-	-	-	-	(3.045.565.294)	(3.045.565.294)
Số dư tại 30/06/2021	300.000.000.000	1.344.945.181	9.055.511.950	56.123.821.471	87.451.891.581	453.976.170.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Công ty thực hiện trích phân phối lợi nhuận năm 2020 theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ- ĐHĐCĐ ngày 28/03/2021 như sau:

	Phân phối lợi nhuận	
	Năm 2020	Năm 2019 VND
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.175.403.781	5.844.128.316
Trích quỹ thù lao, thưởng ban quản lý điều hành	870.161.513	194.804.277
Chia cổ tức	15.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	18.045.565.294	11.038.932.593

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2021			01/01/2021		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	7.470.000	74.700.000.000	24,90%	7.470.000	74.700.000.000	24,90%
Ông Hoàng Xuân Quang	7.240.000	72.400.000.000	24,13%	7.240.000	72.400.000.000	24,13%
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	7.100.112	71.001.120.000	23,67%	7.100.112	71.001.120.000	23,67%
Pyn Elite Fund (Non - Ucits)	2.997.600	29.976.000.000	9,99%	2.997.600	29.976.000.000	9,99%
Các cổ đông khác	5.192.288	51.922.880.000	17,31%	5.192.288	51.922.880.000	17,31%
Cộng	30.000.000	300.000.000.000	100%	30.000.000	300.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.000.000.000	

Cổ phiếu

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Doanh thu bán thành phẩm	47.105.743.242	61.360.906.411
Doanh thu thi công công trình	131.196.037.492	110.173.227.229
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	8.671.802.046	9.100.232.857
Cộng	186.973.582.780	180.634.366.497

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	17.334.550.291	23.637.184.952
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	-	7.822.162.361
Cộng	17.334.550.291	31.459.347.313

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	32.792.698.808	41.101.547.307
Giá vốn của thi công công trình	109.876.701.191	88.789.384.120
Giá vốn dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	7.198.607.546	8.437.292.726
Cộng	149.868.007.545	138.328.224.153

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.485.930	544.216.477
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.239.800.000
Thu từ nhượng quyền bán cổ phiếu (*)	17.918.400.000	-
Cộng	17.929.885.930	2.784.016.477

(*) Tiền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu BMJ (Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP), số lượng 17.918.400 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền vay	9.002.420.322	5.138.702.865
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	1.450.387.997	-
Hoàn nhập trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(785.805.471)	-
Cộng	9.667.002.848	5.138.702.865

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên	1.346.611.188	1.436.399.437
Chi phí vật liệu, bao bì	64.016.943	57.188.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.237.345.378	5.389.155.641
Các khoản chi phí bán hàng khác	165.835.747	110.350.059
Cộng	6.813.809.256	6.993.093.155

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.080.074.247	5.488.545.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	388.222.754	419.230.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.967.855.174	1.548.224.019
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	601.170.282	1.430.526.628
Cộng	9.037.322.457	8.886.526.438

6.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Hoàn nhập trích lập dự phòng bảo hành công trình	2.178.982.059	382.485.126
Các khoản khác	6.802	2.340.448
Cộng	2.178.988.861	384.825.574

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Các khoản khác	3.707.312	2.313.799
Cộng	3.707.312	2.313.799

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.692.608.153	24.390.270.338
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Thu nhập được miễn thuế (*)	-	(2.239.800.000)
Thu nhập tính thuế TNDN	31.692.608.153	22.150.470.338
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	6.338.521.630	4.430.094.068
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.338.521.630	4.430.094.068

(*) Tiền nhận cổ tức được chia từ Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.768.254.886	92.729.635.178
Chi phí nhân công	23.592.507.173	19.797.901.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.883.065.625	1.973.070.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.769.439.155	97.269.958.980
Chi phí khác bằng tiền	847.415.846	2.203.539.523
Cộng	214.860.682.685	213.974.105.650

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

7.2.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông lớn
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	Cùng người đại diện theo pháp luật
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	Công ty con

7.2.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong kỳ được trình bày tại phụ lục số 01 đính kèm.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.2.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Công ty CP Đá ốp lát An Bình		
Thanh toán tiền mua cát, đá	1.253.211.960	3.564.279.198
Mua nguyên vật liệu	1.420.554.900	1.619.326.920
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP		
Mua đá	4.084.271.387	2.644.724.610
Thanh toán tiền mua đá	10.482.599.516	10.961.427.530
Tạm ứng thi công	2.351.956.000	-
Nhận hoàn trả tiền tạm ứng	2.351.956.000	-
Nhận lại dầu	272.682.698	-
Thu tiền mua công, đá	-	4.007.775.900
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương		
Thu tiền theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	42.000.000.000
Thu tiền dịch vụ	-	120.000.000
Thu tiền thi công công trình	30.428.387.300	36.596.731.718
Dịch vụ vận chuyển	109.090.909	145.454.544

7.2.4. Số dư với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

7.3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

7.3.1. Thông tin lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: Sản xuất và kinh doanh ống cống thoát nước các loại;
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống, thi công xây dựng dân dụng;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

7.3.2. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty hoạt động chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

7.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Nguyễn Đức Thuận
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 20 tháng 08 năm 2021

Phạm Huy Hậu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Phụ lục 01: Thông tin về thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Thông tin về tiền lương, tiền thưởng và tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong kỳ:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021		Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	
	Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Tiền lương VND	Tiền thưởng VND
Hội đồng quản trị	568.265.662	-	520.999.200	133.980.000
Phạm Xuân Phương	240.000.000	-	250.000.000	60.000.000
Nguyễn Bảo Long	90.000.000	-	-	-
Nguyễn Xuân Cường	213.838.000	-	-	-
Trương Văn Thân	24.427.662	-	-	-
Hoàng Xuân Quang	-	-	210.000.000	52.500.000
Trần Thanh Tùng	-	-	60.999.200	21.480.000
Ban Giám đốc	1.640.919.582	-	862.973.815	159.957.000
Võ Thành Tài	274.588.343	-	149.808.970	-
Ngô Anh Quân	80.000.000	-	-	-
Nguyễn Hồng Tuyên	-	-	205.588.000	48.255.682
Nguyễn Thị Thúy Vân	343.860.000	-	-	-
Phạm Hữu Nguyễn	290.000.000	-	120.839.845	-
Lê Hùng Lam	343.860.000	-	-	-
Nguyễn Thế Anh	130.409.239	-	-	-
Nguyễn Đức Thuận	178.202.000	-	-	-
Nguyễn Xuân Cường	-	-	176.784.400	36.572.318
Phạm Huy Hậu	-	-	173.585.600	37.564.500
Nguyễn Quốc Thanh	-	-	36.367.000	37.564.500
Tổng cộng	2.209.185.244	-	1.383.973.015	293.937.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	47.105.743.242	131.196.037.492	8.671.802.046	-	186.973.582.780
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.105.743.242	131.196.037.492	8.671.802.046	-	186.973.582.780
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.313.044.434	21.319.336.301	1.473.194.500	-	37.105.575.235
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(15.851.131.713)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	21.254.443.522
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	17.929.885.930
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(9.667.002.848)
Thu nhập khác	-	-	-	-	2.178.988.861
Chi phí khác	-	-	-	-	(3.707.312)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(6.338.521.630)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	25.354.088.523
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	1.054.600.000	-	-	1.054.600.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	743.631.665	1.480.747.461	-	-	2.224.379.126
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

ST
 TY
 AN
 YAY
 UON
 C
 BINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
 Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	61.297.182.611	110.173.227.229	9.099.878.857	-	180.570.288.697
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.297.182.611	110.173.227.229	9.099.878.857	-	180.570.288.697
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.195.635.304	21.383.843.109	662.586.131	-	42.242.064.544
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(15.879.619.593)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	26.362.444.951
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	2.784.016.477
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(5.138.702.865)
Thu nhập khác	-	-	-	-	384.825.574
Chi phí khác	-	-	-	-	(2.313.799)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(4.430.094.068)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	19.960.176.270
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.692.014.852	10.506.766.853	-	-	20.198.781.705
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	801.596.550	1.463.339.258	-	-	2.264.935.808
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	52.608.866.295	639.911.397.973	971.937.719	-	-	693.492.201.987
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						222.119.834.876
Tổng tài sản						915.612.036.863
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.619.215.912	76.770.844.626	6.078.112	-	-	82.396.138.650
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						379.082.566.936
Tổng nợ phải trả						461.478.705.586
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	51.325.150.494	515.249.901.036	37.646.268	-	-	566.612.697.798
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						230.045.197.187
Tổng tài sản						796.657.894.985
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	18.217.865.795	65.984.880.715	44.782.214	-	-	84.247.528.724
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						265.742.717.307
Tổng nợ phải trả						349.990.246.031

